TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Gia Ảnh.
2. Bà Lê Thị Thúy Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Trần Bông C - Sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp HT, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**** Bị đơn:*** Anh Bùi Tấn P - Sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp HT, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Trần Bông C trình bày:

Năm 2008 chị Nguyễn Trần Bông C và anh Bùi Tấn P có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày

26/6/2008.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung nhà cha mẹ chồng tại xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Đến khoản năm 2016 anh chị thuê nhà sống riêng cũng tại địa phương.

Thời gia đầu anh chị sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi chị sinh con thì giữa anh chị có mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh chị không có sự thống nhất về chi tiêu trong gia đình từ. Từ năm 2009 đến nay giữa anh chị độc lập về kinh tế, tiền ai làm ra người đó sử dụng. Mặc dù sống chung nhà nhưng giữa anh chị không có quan tâm, gì cho nhau mà mạnh ai nấy sống. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị Nguyễn Trần Bông C yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Tấn P.

Về con chung: Chị Nguyễn Trần Bông C và anh Bùi Tấn P có 01 người con chung là Bùi Ngọc Oanh A - Sinh ngày 21/11/2008. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Trần Bông C đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con, chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Tấn P trình bày:

Về thời gian kết hôn, thời gian sống chung hạnh phúc, về con chung thì anh đồng ý với lời trình bày của vợ anh là chị Nguyễn Trần Bông C.

Sau khi kết hôn và hiện nay kinh tế còn khó khăn. Bản thân anh phải lo cho gia đình 02 bên nên giữa anh chị có mâu thuẫn về kinh tế.

Cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không lớn và bản thân anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ.

Do không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu gì về con chung, tài sản.

Tại phiên tòa: Anh P cho rằng mâu thuẫn là do chị Bông C không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người khác. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi người con chung giữa anh chị là Bùi Ngọc Oanh A - Sinh ngày 21/11/2008 mà không yêu cầu chị Nguyễn Trần Bông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng nên Kiểm sát viên không có ý kiến.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trần Bông C với anh Bùi Tấn P.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Ngọc Oanh A - Sinh ngày 21/11/2008 cho anh Bùi Tấn P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc anh P không yêu cầu chị Nguyễn Trần Bông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Bông C và anh P là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/6/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh P nghi ngờ chị Bông C không chung thủy nên có đánh chị 01 lần. Từ giữa tháng 3/2019 đến nay anh chị không còn sống chung và anh P không biết chị Bông C hiện nay ở đâu, làm gì. Tại phiên tòa, chị Bông C có đơn xin vắng mặt và vẫn kiên quyết ly hôn với anh P.

Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng là không còn, mâu thuẫn trở nên tầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bông C với anh P.

Về con chung: Chị Bông C và anh P có 01 người con chung là Bùi Ngọc Oanh A - Sinh ngày 21/11/2008. Do cháu A hiện đang sống với anh P, anh P cũng có điều kiện nuôi con sau khi ly hôn và chị Bông C cũng đồng ý để con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận việc anh P không yêu cầu chị Bông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trần Bông C đối với anh Bùi Tấn P.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Ngọc Oanh A - Sinh ngày 21/11/2008 cho anh Bùi Tấn P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc anh Phước không yêu cầu chị Bông C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chị Bông C, anh P có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Đương sự khai không có nên không xem xét.

5. *Về án phí sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Trần Bông C phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0020411 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Trần Bông C đã nộp đủ án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Văn Phận